

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2023/DSPT

Ngày 13 - 02 - 2023

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Chung

Bà Nguyễn Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13/01/2023, ngày 13/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 403/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2022/DSST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 323/2022/QĐPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số: 291/2022/QĐ-PT ngày 26/12/2022, quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 02/2023/QĐ-PT ngày 13/01/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H; địa chỉ: Thôn ĐK, xã BT, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Đoàn Văn P; địa chỉ: VVK, phường KX, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N; địa chỉ: Thôn ĐK, xã BT, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Bà Trần Thị C; địa chỉ: Đường YB, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn C1; địa chỉ: BT, xã BT, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt;

4. *Người làm chứng:*

- Ông Nguyễn Văn T;
- Bà Nguyễn Thị D;

Cùng địa chỉ: BT, xã BT, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, đều có đơn xin xét xử vắng mặt;

5. *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:**

Ngày 28/3/2016 âm lịch, tức ngày 04/5/2016 dương lịch bà H có cho bà Nguyễn Thị N vay số tiền là 40.000.000 đồng. Khi vay hai bên thỏa thuận thời gian vay là 01 năm, tức đến ngày 10/03/2017 âm lịch (ngày 06/04/2017 dương lịch) bà N sẽ trả cả gốc lẫn lãi cho bà H với lãi suất vay là 1,5%/ tháng. Đến tháng 3 năm 2017, ông Nguyễn Văn C1 đã thay bà N trả cho bà H 30.000.000 đồng tiền gốc và 5.400.000 đồng tiền lãi. Tuy nhiên, từ đó cho đến nay, bà H đã nhiều lần qua nhà bà N đòi nợ nhưng bà N không chịu trả. Nay, bà H yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị N trả số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), tiền lãi phát sinh tính từ ngày 04/5/2016 dương lịch đến ngày xét xử là 76 tháng 21 ngày x 1,5%/tháng x 10.000.000 đồng = 11.505.000 đồng và tiếp tục tính tiền lãi phát sinh với lãi suất là 1,5%/tháng cho đến khi bà N trả xong nợ.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:**

Bà N thừa nhận, ngày 28/3/2016 (âm lịch) bà N có sang nhà bà Phạm Thị H vay số tiền là 40.000.000 đồng. Khi vay hai bên thỏa thuận thời gian vay là 01 năm, tức đến ngày 10/03/2017 âm lịch bà N sẽ trả cả gốc lẫn lãi cho bà H với lãi suất vay là 1,5% tháng. Sau khi vay bà N có đưa cho ông Nguyễn Văn C1 là em ruột bà N vay lại số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và số tiền còn lại là 10.000.000 đồng bà N sử dụng riêng. Đến khoảng tháng 3 năm 2017 ông Nguyễn Văn C1 đã trả cho bà H số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh. Sau khi ông C1 trả tiền, sáng ngày hôm sau bà N đã trả số tiền 10.000.000 đồng còn lại và tiền lãi phát sinh cho bà H, bà H đã dùng bút gạch vào giấy vay tiền ngày 28/3/2016 (âm lịch). Vì vậy, bà N đã trả xong số nợ trên, bà N không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C1 trình bày:**

Vào tháng 3/2016 âm lịch ông C1 có nhờ chị gái là bà Nguyễn Thị N vay hộ của bà Phạm Thị H số tiền 30.000.000 đồng và hẹn đến 01 năm sau sẽ trả. Đến tháng 3/2017 âm lịch ông C1 đã trả cho bà H số tiền 30.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo lãi suất 1,5%/tháng. Khi đó, bà H nói bà N vay số tiền 40.000.000 đồng, chứ không phải 30.000.000 đồng. Ông C1 nhờ bà N vay số tiền 30.000.000 đồng nên chỉ đồng ý trả số tiền 30.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, còn số tiền 10.000.000 đồng còn lại không liên quan gì đến ông C1. Hiện tại bà N đã trả cho bà H hay chưa thì ông không biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2022/DSST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H. Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho bà Phạm Thị H số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và tiền lãi phát sinh là 11.505.000 đồng (Mười một triệu năm trăm lẻ năm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/10/2022, bà Nguyễn Thị N kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện L với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng:* Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Qua phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 – Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N – giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện L.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N về đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Bà Phạm Thị H và bà Nguyễn Thị N đều thừa nhận: Ngày 28/3/2016 (âm lịch) bà N có đến nhà bà H vay số tiền 40.000.000 đồng, khi vay hai bên

thỏa thuận thời gian vay là 01 năm, tức đến ngày 10/3/2017 âm lịch bà N trả cả gốc và lãi cho bà H, với mức lãi suất 1,5%/tháng. Sau khi vay, bà H có cho ông Nguyễn Văn C1 vay số tiền 30.000.000 đồng, số tiền 10.000.000 đồng bà N sử dụng vào việc riêng. Tháng 03/2017 ông C1 đã trả cho bà H số tiền 30.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận. số tiền còn nợ lại là 10.000.000 đồng bà N chưa trả nên bà H khởi kiện. Về phía bà N cho rằng số tiền 10.000.000 đồng gốc và lãi phát sinh bà N đã trả hết cho bà H, bà H đã gạch chéo trong giấy vay tiền. Tuy nhiên, trong giấy vay tiền có đánh dấu “X” nhưng không phải gạch bỏ nội dung vay tiền giữa hai bên. Ngoài ra bà N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc đã trả cho bà H số tiền 10.000.000 đồng và lãi phát sinh. Như vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà N phải có nghĩa vụ trả cho bà H số nợ gốc 10.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Về lãi suất:

Bà H yêu cầu bà N trả lãi suất trong hạn với mức lãi là 1,5%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự và lãi suất quá hạn 1,5 %/ tháng là không vượt quá quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Do vậy, cấp sơ thẩm đã tính lãi theo mức lãi suất 1,5%/tháng và xác định số tiền lãi bà N phải trả cho bà H 11.505.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tờ giấy xác nhận ngày 11/01/2023 do bà N cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy xác nhận có hai nội dung do ông C1, ông T yêu cầu xác nhận:

- Ông C1 đã trả xong nợ cho bà H.
- Xác nhận bà N đã trả 10.000.000 đồng cho bà H.

Tại phiên tòa bà H không thừa nhận nội dung xác nhận thứ hai (bà N đã trả 10.000.000 đồng) mà chỉ cho rằng do tin tưởng ông C1 nên xác nhận nội dung ông C1 trả 30.000.000 đồng chứ không có việc xác nhận nội dung thứ hai bà N đã trả 10.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy lời trình bày của bà H tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở, phù hợp với thực tiễn. Bởi lẽ, bà H đang khởi kiện đòi bà N 10.000.000 đồng (xét xử vào ngày 13/01/2023) mà ngày 11/01/2023 lại đi xác nhận để phủ nhận yêu cầu khởi kiện của mình. Đồng thời nội dung xác nhận này hoàn toàn không liên quan gì đến yêu cầu xác nhận của ông C1. Do đó, nội dung xác nhận việc bà N trả 10.000.000 đồng là không đúng sự thật khách quan nên không được chấp nhận.

Từ nhận định trên xét thấy không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện L.

[4] Trong quá trình xét xử phúc thẩm bà H có yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết tại Giấy xác nhận ngày 11/01/2023. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cho rằng nội dung xác nhận việc bà N trả 10.000.000 đồng tại Giấy xác nhận ngày 11/01/2023 là không đúng sự thật khách quan nên không được chấp nhận. Do

vậy, việc yêu cầu giám định của bà H là không cần thiết nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N - Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 357, Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26; Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

2.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H. Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho bà Phạm Thị H số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và tiền lãi phát sinh là 11.505.000 đồng (Mười một triệu năm trăm lẻ năm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N phải chịu 1.051.750 đồng (một triệu không trăm năm một nghìn bảy trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Bà Phạm Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng phí 460.000 đồng (bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0010531 ngày 15/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

2.3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0001745 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- TAND huyện Lắk;
- Chi cục THADS huyện L;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng